TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2025.
V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạn và bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường B - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2025 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân gia đình và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Phương M, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Số 156 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số 36 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị Phương M trình bày: Bà và ông Nguyễn Duy T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/10/2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng bà hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Nay bà

nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, hiện đã sống ly thân, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Duy T có 01 con chung cháu Nguyễn Duy Tr, sinh ngày: 24/11/2023, từ khi ly thân cháu Tr ở với bà nên bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Duy T trình bày: Ông và bà Phan Thị Phương M tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/10/2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nên vợ ông đưa đơn xin ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cãi nhau. Tuy nhiên ông chưa đồng ý với yêu cầu ly hôn của vợ ông bà M vì con đang còn nhỏ, cần có cha mẹ chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy ông đề nghị cho vợ chồng ông tự thỏa thuận, giải quyết.

Về con chung: Ông và bà M có 01 con chung cháu Nguyễn Duy Tr, sinh ngày: 24/11/2023. Trường hợp vợ ông bà M nhất quyết ly hôn thì ông không đồng ý giao con chung cho bà M, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ cchung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị Phương M và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Phương M: Xử cho bà Phan Thị Phương M được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy Tr, sinh ngày: 24/11/2023 cho bà Phan Thị Phương M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Phan Thị Phương M, Tòa án nhân dân thành phố B xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của bà M và ông T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của bà M, ông T thì bà M cho rằng trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hay cãi vã nhau còn phía ông T cũng thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó có xảy ra mẫu thuẫn nên bà M mới xin ly hôn. Tuy nhiên ông T chưa đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà M vì con đang còn nhỏ, cần có cha mẹ chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng nên ông không đồng ý ly hôn với bà M còn phía bà M có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Bà M và ông T có sinh sống tại địa chỉ: 36 đường N, t6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống tại địa phương bà M, ông T có mâu thuẫn trong cuộc sống nên bà M và ông T đã sống ly thân. Hiện nay bà M không còn sinh sống tại địa chỉ trên. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được vì không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà M và ông T xảy ra đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà M xin ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Bà M và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy Tr, sinh ngày: 24/11/2023.

Về con chung bà M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tr đến tuổi trưởng thành, còn ông T cho rằng nếu bà M nhất quyết ly hôn thì ông cũng có nguyện vọng

được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Tr. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đương sự về hôn nhân và việc nuôi con chung nhưng ông T vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do, do vậy xét ý kiến trình bày của ông T không có căn cứ. Xét nguyện vọng và điều kiện của bà M và xét thấy cháu Tr còn nhỏ mới sinh tháng 11 năm 2023 cháu cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nhiều hơn nên xét thấy cần giao cháu Tr cho bà M nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung nên bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Phương M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Phương M. Bà Phan Thị Phương M được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy Tr, sinh ngày: 24/11/2023 cho bà Phan Thị Phương M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ônng T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Phương M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị Phương M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000711 ngày 13/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Duy T không phải chịu tiền án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh